TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2018/QĐST-HNGĐ	*Bù Gia Mập, ngày 15 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 154/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017, giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trịnh Thị T**, sinh năm 1978

* *Bị đơn:* Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Tổ 2, thôn C, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước**.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1978 và ông Lê Văn L, sinh năm 1968, cùng địa chỉ: tổ 2, thôn C, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Bà Trịnh Thị T và ông Lê Văn L thống nhất thỏa thuận giao 03 người con chung: Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 27/02/2007, Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 28/01/2012,

Lê Hữu T, sinh ngày 25/7/2014 cho bà Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Lê Văn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trịnh Thị T và ông Lê Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung:

Bà Trịnh Thị T và ông Lê Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung:

Bà Trịnh Thị T và ông Lê Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: là 150.000 đồng, bà T phải nộp 75.000 đồng, ông L phải nộp 75.000 đồng. Tại phiên hòa giải bà T đồng ý nộp thay cho ông L số tiền 75.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018027 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Trả lại bà T số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H BGM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Thoại